

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Địa lí

Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy

Thanh Hóa, 2019

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

(Ban hành theo QĐ số 1351 /QĐ-ĐHHD ngày 27 /8/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) Đại học sư phạm địa lí được xây dựng lần đầu năm 1997 với mục tiêu đào tạo Giáo viên giảng dạy địa lí ở các trường Trung học phổ thông trong tỉnh Thanh Hóa và các địa phương trong khu vực. Chương trình đã nhiều lần được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Lần điều chỉnh gần đây nhất là năm 2018, CTĐT được điều chỉnh trên quy mô toàn diện theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học. CTĐT được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được; góp ý từ cựu sinh viên, các chuyên gia đặc biệt là giáo viên của các THPT. CTĐT xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong và ngoài nước

Chương trình đào tạo ĐHSP Địa lí hiện hành có tổng số 121 tín chỉ (TC) gồm 51 học phần (không kể GDTC và GDQP), trong đó có 40 học phần bắt buộc (95 tín chỉ) và 11 học phần thay thế/tự chọn (26 tín chỉ), được chia thành 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung 41 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 80 tín chỉ (trong đó có kiến thức rèn nghề, thực tập 07 tín chỉ gồm 02 tín chỉ kiến tập sư phạm và 05 tín chỉ thực tập sư phạm; kiến thức Khóa luận/học phần thay thế 06 tín chỉ). Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 2: gồm 09 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ, trong đó có một HP Kiến tập sư phạm 2 TC; kỳ 6: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 07 học phần, 15 tín chỉ; và kỳ 8: gồm thực tập sư phạm 05 tín chỉ và 02 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 06 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1174, giờ bài tập và thảo luận: 1319, giờ thực hành: 459 và giờ tự học: 6645.

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở, các học kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 15 giảng viên có trình độ cao (01 PGS, 05 TS, 03 NCS và 06 ThS), trong đó có 3 ThS được đào tạo ở nước ngoài. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy. Hệ thống phòng thí nghiệm được đầu tư hiện đại với các phòng thí nghiệm: Cơ sở vật chất ngày càng được xây dựng đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo. Thư viện được đầu tư mua sắm đầy đủ tài liệu, giáo trình; mạng Công nghệ Thông tin hoạt động thông suốt, phục vụ có hiệu quả cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Địa lí
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Geographic pedagogy
Mã ngành đào tạo:	7140219
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân

Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	121
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (121 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy Địa lý tại các trường THCS, THPT, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước; - Chuyên viên và quản lý tại các cơ sở quản lý giáo dục; - Giảng dạy Địa lý tại các trường đại học, cao đẳng, sau khi học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	20 tháng 11 năm 2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo giáo viên Địa lý trình độ đại học có năng lực giảng dạy Địa lý ở trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở; làm việc tại các cơ quan nhà nước, đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội liên quan đến chuyên môn Địa lý. Sau khi tốt nghiệp đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng linh hoạt những kiến thức lý luận và thực hiện vào hoạt động dạy học Địa lý ở trường phổ thông; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế. Có thể tiếp tục học đại học bằng thứ 2 trong khối ngành khoa học xã hội, học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

3.2. Mục tiêu cụ thể:

* Kiến thức

M1: Có kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, pháp luật Việt Nam, Thể dục thể thao và An ninh- quốc phòng;

M2: Có kiến thức nền tảng bổ trợ cần thiết của khoa học Tự nhiên, khoa học Xã hội và nhân văn, ngoại ngữ và tin học;

M3: Có kiến thức nền tảng về tâm lý học lứa tuổi, giáo dục học, quản lý giáo dục đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước;

M4: Có kiến thức chuyên sâu về Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế- xã hội, Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý phục vụ giảng dạy, nghiên cứu ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước;

M5: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn thuộc chuyên ngành về Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế- xã hội, Phương pháp dạy học Địa lý, Quản lý giáo dục;

*** Kỹ năng**

M6: Kỹ năng tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin; tư duy sáng tạo, phân tích tổng hợp kiến thức để giải quyết công việc;

M7: Có kỹ năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;

M8: Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu khoa học và lĩnh vực công tác;

M9: Thiết kế bài giảng, phương tiện dạy học; Sử dụng các phần mềm chuyên ngành

M10: Phân tích, tổng hợp kiến thức chuyên sâu về Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế- xã hội, Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý.

M11: Lập và triển khai kế hoạch dạy học, tổ chức tốt mọi hoạt động trong công tác dạy học, xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

M12: Nhận biết bối cảnh nhà trường, ngành giáo dục và xã hội, tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

M13: Có ý thức trách nhiệm công dân; thực hiện đúng được các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông;

M14: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học); kết luận, đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học

M15: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung:**

C1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

C2: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và môi trường vào các lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

*** Kiến thức chuyên môn:**

C3: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý học lứa tuổi; quản lý hành chính và quản lý giáo dục vào thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước;

C4: Hiểu và vận dụng được hệ thống kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về khoa học địa lí, bao gồm: địa lí tự nhiên đại cương, địa lí kinh tế - xã hội đại cương, địa lí Việt Nam và các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới; bản đồ học vào giảng dạy địa lí ở các trường phổ thông và thực tiễn cuộc sống;

C5: Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Lý luận và phương pháp dạy học Địa lí, các phương pháp dạy học truyền thống, hiện đại, tích cực ở bậc phổ thông đảm bảo thực hiện đổi mới quá trình dạy học của người giáo viên Địa lí;

C6: Hiểu và phân tích được chương trình địa lí ở trường phổ thông, chương trình địa lí theo quan điểm tiếp cận mới và phương pháp hiện đại, đáp ứng theo yêu cầu xã hội. Thực hiện được các nghiên cứu cơ bản về khoa học Địa lí, khoa học giáo dục, đặc biệt là các nghiên cứu theo hướng ứng dụng.

C7: Tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ thuộc chuyên ngành Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế - xã hội, Phương pháp dạy học Địa lí, Quản lý giáo dục,...

3.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung:**

C8: Tìm kiếm và xử lý thông tin thành thạo, chính xác và phát huy tư duy logic, sáng tạo trong giải quyết công việc;

C9: Thành thạo trong giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác;

C10: Làm chủ nhóm, làm việc nhóm và làm việc độc lập để hoàn thành công việc;

C11: Phản biện được các vấn đề của khoa học Địa lí;

C12: Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và lĩnh vực công tác;

C13: Nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ thành thạo, đạt trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

*** Kỹ năng chuyên môn:**

C14: Thiết kế bài giảng, phương tiện dạy học thành thạo;

C15: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để xây dựng bản đồ, biểu đồ, tranh, ảnh... địa lí phục vụ dạy học;

C16: Tư duy lãnh thổ thành thạo, định hướng không gian chính xác.

C17: Thu thập dữ liệu, thông tin, tính toán xử lý số liệu, tài liệu bằng các phần mềm tin học phục vụ dạy học ở trường phổ thông thành thạo và chính xác; sử dụng thành thạo phần mềm tin học chuyên ngành Địa lí (Mapinfo).

C18: Lập và triển khai kế hoạch dạy học thành thạo, tổ chức tốt mọi hoạt động trong công tác dạy học, xây dựng và quản lý hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh chính xác.

C19: Tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và làm việc theo nhóm, thể hiện ở khả năng phối hợp thực hiện các đề tài, dự án, sáng kiến kinh nghiệm.

3.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

C20: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông;

C21: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C22: Có năng lực đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến Địa lí-môi trường;

C23: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học).

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn					Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn						NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	C 1	C 2	C 3	C 4	C 5	C 6	C 7	C 8	C 9	C 10	C 11	C 12	C 13	C 14	C 15	C 16	C 17	C 18	C 19	C 20	C 21	C 22	C 23
M1	3	3																					
M2		3																					
M3			2																				
M4				3	4	2																	
M5						3	3																
M6								4											3				
M7									3	3	4												
M8											3												
M9												4	3	4	4		4						
M10															3				3				
M11																		3					
M12																				3			
M13																				3			
M14																					3	3	
M15																					4	3	

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong ngành xây dựng.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

6.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung, 41 tín chỉ	Bắt buộc	31
		Tự chọn	10
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 67 tín chỉ	Bắt buộc	57
		Tự chọn	10
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập, 07 tín chỉ	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế, 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	06
Tổng số: 121 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức về lý luận chính trị				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được lý luận triết học Mác – Lênin, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học; sinh viên có khả năng vận dụng được lý luận để nhận thức và cải tạo thế giới; sinh viên có được các phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019. 2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2013.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2007. 2- Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 2003. 3- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019. 2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX,</i></p>

			<p>quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016), NXB CTQG.</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Những tri thức cơ bản, cốt lõi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề văn hóa, xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nắm được lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng tư duy, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề chính trị- xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2019.</p> <p>2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2003.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2013.</p> <p>2- Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.</p>
4	198030	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, NXB CTQG, 2019.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Đảng Cộng Sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i>, NXB CTQG, 2001.</p> <p>2- Bộ GD&ĐT, <i>Chương trình môn Lịch sử ĐCSVN</i>, 2019.</p> <p>3- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn Mác-Lenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Lịch sử ĐCSVN</i>, NXB CTQG, 2018.</p>
5	197035	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học TT Hồ Chí Minh. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TT Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng cộng sản và Nhà nước Việt nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; đạo đức văn hóa, con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tư duy lý</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2009.</p> <p>2- Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2005.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG,</p>

			lược và phương pháp công tác trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mac – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lý giải, đánh giá đúng đắn được các hiện tượng xã hội, hiểu rõ cơ sở lý luận, tính khách quan, khoa học của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có khả năng rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.	2003. 2- “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ” tài liệu phục vụ dạy và học, NXB ĐHKQT, 2008. 3- <i>Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB LLCT, 2008.
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</i> Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1-Lê Minh Toàn, <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, NXB CTQG, 2009.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1- Lê Văn Minh, <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động, 2016. 2- Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB CAND, 2012. 3- Nguyễn Minh Động, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Tư pháp, 2012.</p>
II. Khối kiến thức khoa học Xã hội (16 tín chỉ)				
	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Trần Quốc Vương, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB GD, 2002. 2- Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB GD, 1999.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1- Phan Ngọc, <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i>, NXB VHHT, 2000.</p>
	125125	Phương pháp NCKH (chuyên ngành Địa lí) (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> SV thực hiện được các bước nghiên cứu trong logic tiến trình nghiên cứu khoa học (lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, xác định các phương pháp nghiên cứu, dự thảo nội dung nghiên cứu của đề tài, xác định được các giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu, danh</p>	<p>Giáo trình chính: 1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NxbGD, H, 2008.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 2. Phạm Viết Vương, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>, Nxb ĐHQGHN, 2004. 3. Bài giảng của giảng viên 4. Các Luận án Tiến sĩ, Luận văn Thạc sĩ, Khóa luận tốt nghiệp của khoa Khoa học xã hội</p>

			mục tài liệu tham khảo) và đánh giá được một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập ở đại học và tự học để phát triển nghề nghiệp, cụ thể như thực hiện các đề tài nghiên cứu, viết tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp,... thuộc lĩnh vực dạy học Địa lí hoặc khoa học cơ bản.	
118011	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1.Mai Đình Yên, <i>Môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục, 2005</p> <p>2.Lưu Đức Hải, <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2006</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Lê Thạc Cán, <i>Cơ sở khoa học về môi trường</i>. NXB Giáo dục 1995</p> <p>2. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên) <i>Giáo dục môi trường</i>, 2006</p>	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
124195	Lịch sử văn minh thế giới (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Hệ thống về những nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á) và phương Tây (Hi Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích và bước đầu đánh giá được ảnh hưởng của các nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại; xây dựng quan điểm và phẩm chất nhân văn, khơi dậy khát vọng tìm hiểu nghiên cứu các nền văn minh, giáo dục thái độ trân trọng, giữ gìn những thành tựu và di sản vô giá của văn minh nhân loại.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1.Vũ Dương Ninh (2013), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, H, Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Lương Duy Thứ (CB) (1997), <i>Đại cương văn hóa Phương Đông</i>, H, Giáo dục, Hà Nội.</p>	
124115	Kiến thức	- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa Lịch sử, đặc điểm về	Tài liệu bắt buộc :	

		địa phương (tỉnh Thanh Hóa) (2 tín chỉ)	<p>địa Lịch sử tự nhiên, dân cư, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, đánh giá được những kiến thức chung nhất của Thanh Hóa về lịch sử, địa Lịch sử, văn hóa...; giảng giải, thuyết trình được những kiến thức đại cương về Thanh Hóa.</p>	<p>1.Hà Văn Tấn, <i>Lịch sử Thanh Hóa</i> Tập 1, H: KHXH,1994</p> <p>2.Hà Văn Tấn, <i>Lịch sử Thanh Hóa</i> Tập 2, H: KHXH,1994</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Hoàng Anh Nhân, Lê Huy Trâm, Đặng Anh, Ngô Quốc Túy, <i>Thanh Hóa, quê hương, đất nước, con người.</i>H, Thanh Hóa, 1996.</p>
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
	121041	Hán Nôm cơ sở (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học:</i> phần: Cung cấp cho SV các kiến thức cơ bản về chữ Hán chữ Nôm; sự du nhập, sử dụng chữ Hán ở Việt Nam; văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong tiến trình văn học dân tộc; các bài tập ứng dụng thực hành.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i>HP trang bị cho SV kỹ năng viết thành thạo, phiên âm, chú thích, dịch nghĩa các văn bản Hán văn đơn giản; kỹ năng phân tích các kiểu cấu trúc của chữ Hán để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản Hán nôm; khả năng phân loại, giải thích nghĩa của chữ Hán, từ Hán Việt.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>[1].Đặng Đức Siêu – <i>Giáo trình Ngữ Văn Hán Nôm T1</i> – Nxb. ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>[2].Đặng Đức Siêu – <i>Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm T.2</i> Nxb.ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>[3]. Đặng Đức Siêu – <i>Ngữ văn Hán Nôm T.2</i> Nxb.ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>[4]. Chu Hy – <i>Tứ thư ngữ kinh</i> – Nxb. Văn hóa thông tin, 1999</p> <p>[5]. Lê Đình Khẩn – <i>Chữ Hán, những vấn đề cơ bản</i> – Nxb. ĐH. QG. TPHCM, 2000.</p> <p>[6]. Phạm Văn Khoái – <i>Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch</i> – Nxb ĐH. Quốc Gia, 2007.</p>
		Hán nôm đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> điều kiện ra đời, và quá trình phát triển của chữ nôm, đặc điểm loại văn tự khối vuông biểu ý, tính chất ghi âm đặc biệt của chữ Nôm, cấu trúc của chữ nôm và cách đọc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng phân biệt các cách đọc âm khác nhau trong chữ Nôm, kỹ năng phân tích các kiểu mô thức cấu trúc của chữ Nôm để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản chữ Nôm.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>[1].Đặng Đức Siêu – <i>Giáo trình Ngữ Văn Hán Nôm T1</i> – Nxb. ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>[2].Đặng Đức Siêu – <i>Giáo trình Ngữ văn Hán Nôm T.2</i> Nxb.ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>[3]. Đặng Đức Siêu – <i>Ngữ văn Hán Nôm T.2</i> Nxb.ĐH. Sư Phạm, 2007</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>[4]. Chu Hy – <i>Tứ</i></p>

				<p><i>thư ngữ kinh</i> – Nxb. Văn hóa thông tin, 1999</p> <p>[5]. Lê Đình Khản – <i>Chữ Hán, những vấn đề cơ bản</i> – Nxb. ĐH. QG. TPHCM, 2000.</p> <p>[6]. Phạm Văn Khoái – <i>Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch</i> – Nxb ĐH. Quốc Gia, 2007.</p>
Chọn 1 trong 2 học phần				
125085	Kinh tế và phát triển (2 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần đề cập đến các vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn trong quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới. Nội dung của học phần tập trung vào các vấn đề: nguồn lực phát triển kinh tế; thể chế kinh tế; tăng trưởng kinh tế; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; về giáo dục – đào tạo, lao động – việc làm và an sinh xã hội; về hội nhập kinh tế quốc tế; về phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu tư nước ngoài...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> SV nắm vững kỹ năng phân tích dữ liệu thống kê, tính toán một số chỉ tiêu kinh tế (tốc độ tăng trưởng bình quân, cơ cấu...). Đọc và phân tích các bản đồ, lược đồ kinh tế Việt Nam.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Đình Hợi, Giáo trình Kinh tế phát triển, Nxb Tài chính, Hà Nội - 2008 Vũ Thị Ngọc Phùng, Giáo trình Kinh tế phát triển, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội – 2005. <p>Sách tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngô Doãn Vịnh, Bàn về phát triển kinh tế, NXB Chính trị Quốc gia, 2005 Trần Thọ Đạt, Các mô hình tăng trưởng kinh tế, NXB Thống kê, 2005 Nguyễn Trọng Hoài, Giáo trình kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2007. 	
125070	Kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Nguồn lực phát triển kinh tế; thể chế kinh tế; tăng trưởng kinh tế; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; về giáo dục - đào tạo, lao động - việc làm và an sinh xã hội; về hội nhập kinh tế quốc tế; về phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu tư nước ngoài...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> SV có kỹ năng phân tích dữ liệu thống kê, tính toán một số chỉ tiêu kinh tế (tốc độ tăng trưởng bình quân, cơ cấu...). Đọc và phân tích các bản đồ, lược đồ kinh tế Việt Nam.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Văn Thường, Trần Khánh Hưng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế Việt Nam</i>, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân. Nguyễn Việt Thịnh (2000) (chủ biên), <i>Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, NXB Giáo dục. <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Việt Thịnh (chủ biên): <i>Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i>. Phần khái quát, NXBGD, HN 2000 	
Chọn 1 trong 2 học phần				
	Phát triển chương trình	- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, khái niệm	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Trần Chí Bình, Năng lực 	

	nhà trường (2 tín chỉ)	phát triển chương trình nhà trường; tầm quan trọng của việc phát triển chương trình nhà trường; các tiền đề để phát triển chương trình nhà trường; Cấu trúc, quy trình (phân tích bối cảnh; phân tích chương trình hiện hành; phân công công việc; xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học; thiết kế chương trình nhà trường; thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh). - <i>Năng lực đạt được</i> :SV nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm chương trình mở và chương trình đóng, phát triển chương trình nhà trường; nắm được quy trình phát triển chương trình nhà trường THPT; biết tổng hợp, phân tích, tổ chức đánh giá, điều chỉnh các đề xuất chương trình môn học nói chung và thiết kế được một/một số chủ đề/hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong điều kiện cụ thể của nhà trường.	quản lý và phát triển chương trình giáo dục ở THPT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT, Tài liệu điện tử, 2014. 2. Nguyễn Thị Kim Dung, Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, NX Đại học Sư phạm, 2015. 3. Đỗ Ngọc Thống, Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXb Giáo dục Việt Nam, 2011. <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1.Giselle O.MMartin- Kniep, Tám đổi mới để trở thành giáo viên giỏi, NXb Giáo dục Việt Nam, 2013. 2. Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Hồng Kiên, Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động Trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học, ộ GD&ĐT, Chương trình phát triển Giáo dục Trung học, Tài liệu điện tử, 2015 3. Lê Thị Phương (2015), Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương Thanh Hóa ở THCS, NXb Đại học Sư phạm HN.
	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần</i> : Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với những tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng Chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên THPT, THCS. <i>Năng lực đạt được</i> : SV có khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều học phần, nhiều lĩnh vực để giải quyết các nhiệm vụ của hoạt động dạy học trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình giáo dục THPT; phát triển năng lực tổ chức hoạt động học tập ngoại khóa; năng lực hoạt động xã hội; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực thu thập và xử lý thông tin và năng	<i>Giáo trình chính:</i> 1. Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Hồng Kiên, <i>Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học</i> , Bộ Giáo dục & Đào tạo, Chương trình phát triển Giáo dục Trung học, 2015, TL điện tử 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT, 2018, Tài liệu điện tử 3. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế

			lực sáng tạo.	<p>Truyền, <i>Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới</i>, Nxb Đại học sư phạm, 2004</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lưu Công Lương, <i>Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn thông qua những bài học cụ thể</i>, Tạp chí Giáo dục, 2019 2. Lê Thị Phương, Vi Văn Anh, <i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong đào tạo nghề cho sinh viên ngành SP Ngữ văn</i>, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Kì 2, 5/2019 3. Thomas Armstrong, <i>Đa trí tuệ trong lớp học</i>, Lê Quang Long dịch, Nxb Giáo dục, 2011
III. Kiến thức ngoại ngữ (Tiếng Anh)(10 tín chỉ)				
133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, <i>New English File. Elementary</i>, Oxford. 2- Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A, quyển 1</i>, NXB Thanh Hóa, 2016. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i>, NXB Thời đại 2- Cambridge Key (KET), <i>English Test</i>, Cambridge 2004 3- Longman, KET, <i>Practice Test</i>, Cambridge 2004. 	
133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>-<i>Nội dung học phần:</i> Phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Đạt năng lực Bậc 3.1 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, <i>New English File. Pre-intermediate</i>, Oxford. 2- Nguyễn Thị Quyết, <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 2</i>, NXB Thanh Hóa, 2016. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i>, NXB Thời đại. 2- Cambridge PET, Cambridge 2004. 	
133033	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức nâng cao về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Sue Ireland, Joanna Kosta, <i>Target PET</i>, Richmond. 	

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Đạt năng lực tiếng Anh Bậc 3.2 theo KNLNNVN: Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ... Có khả năng xây dựng kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.</p>	<p>2- Trịnh Thị Thom, <i>Rèn luyện kỹ năng Viết (Bổ trợ cho bài thi B1 KNLNN Việt Nam)</i>, NXB Thanh Hóa, 2016.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Cambridge PET, Cambridge 2004.</p> <p>2- Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles, <i>Destination B1-Grammar and Vocabulary</i>, MacMilan, 2008.</p>
IV. Toán-Tin học-KHTN, CN và Môi trường				
	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB TT&TT, 2015.</p> <p>2- Hàn Viết Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, ĐH KTQD, 2012.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Dương Minh Quý, <i>Microsoft Office 2007</i>, NXB Hồng Đức, 2013.</p> <p>2- Microsoft, <i>Step by Step Microsoft Office 2007</i>, Microsoft, 2012.</p>
V. Giáo dục thể chất				
	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào...</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB TĐTT, 2000.</p> <p>2- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.</p> <p>3- Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB TĐTT, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007.</p> <p>2- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014.</p> <p>3- PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007.</p>
	191006	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)		
	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007.</p> <p>2- Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống,</p>

			<p>được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p><i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TĐTT, 2006. 2. Ủy ban TĐTT, <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TĐTT, 2003. Tài liệu tham khảo: 1- Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i>, NXB TĐTT, 2001. 2- Ủy ban TĐTT, <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXBTĐTT, 1998.</p>
191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014. 2- Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i>, 2013. Tài liệu tham khảo: 3- Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.</p>	
191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá (đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- PGS.TS.Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB TĐTT, 2007. 2- Ủy ban TĐTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người</i>. 3- TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i>, NXB ĐHSP, 2004. Tài liệu tham khảo: 1- TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiệt Tình và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i>, NXB TĐTT, 2000. 2- Đĩa (VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức), 2004.</p>	
191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ. - <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB TĐTT, 2002. 2- Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT</i>, 2003. Tài liệu tham khảo: 1- Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i>, 2015.</p>	
191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền);</p>	<p>Tài liệu bắt buộc: 1- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các</p>	

			<p>Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.</p>	<p>cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i>, NXB TDTT, 2008.</p> <p>2- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 2</i>, NXB TDTT, 2011.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>, 2014.</p> <p>2- Võ sư Trương Quang An, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ)</i>, NXB KIEV, 1998.</p>
--	--	--	---	---

VI. Giáo dục quốc phòng

		<p>Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</p>	<p>Đường lối quân sự của Đảng</p> <p>- <i>Nội dung học phân</i>: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>Công tác quốc phòng an ninh</p> <p>- <i>Nội dung học phân</i>: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)</p>	
--	--	---------------------------------------	---	--

			<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyên thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.</p>	
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
I. Khối kiến thức cơ sở ngành				
181080	Tâm lý học (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức; hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); nhân cách và sự phát triển nhân cách; lý luận về sự phát triển trẻ em; tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT ; hoạt động dạy học; hành vi đạo đức; nhân cách của người thầy giáo...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Giáo trình Tâm lý học đại cương. ĐHSP Hà Nội, 2006 2. Lê Văn Hồng Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm. NXB Giáo dục, 1997 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Trọng Thủy, Bài tập thực hành tâm lý học. NXB Giáo dục, 1990 2. Nguyễn Kế Hào (chủ biên), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2005. 	
182005	Giáo dục học (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường phổ thông; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, giáo dục và chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp .</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, tổng hợp được những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2006 2. Nguyễn Sinh Huy-Nguyễn Văn Lê. Giáo dục học đại cương. Tập 1,2. NXB Giáo dục, 1997 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Viết Vượng. Bài tập Giáo dục học. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2008 2. Đỗ Thế Hưng. Tình huống dạy học môn GDH. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2007. 	
198000	Quản lý HCNN và	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước;</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Viết Vượng. Quản 	

		QLGD (2 tín chỉ)	<p>Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện và đánh giá được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.</p>	<p>lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2006</p> <p>2. Luật cán bộ, công chức, số 22/2008. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam, 2008</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. QĐ Số 12/2011/TT</p> <p>2. Quyết định Thủ tướng: Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020. Quyết định Số 711/QĐ- TTG</p>
II		Kiến thức ngành		
II.1		Kiến thức chung của ngành		
	125205	Địa chất đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu địa chất học; cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái Đất; đại cương về khoáng vật và đá; các quá trình địa chất (các quá trình địa chất nội lực và các quá trình địa chất ngoại lực); các thuyết địa kiến tạo.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đọc được bản đồ địa chất phục vụ dạy học, nhận biết các loại đá chính: trầm tích, mắc ma, biến chất, nhận biết các quá trình địa chất (các quá trình địa chất nội lực và các quá trình địa chất ngoại lực) trên thực địa.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Tổng Duy Thanh (Chủ biên), Giáo trình địa chất cơ sở. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2004</p> <p>2. Phùng Ngọc Đĩnh, Lương Hồng Hược, Địa chất đại cương và địa chất lịch sử. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2005</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Tổng Duy Thanh, Địa sử. NXB ĐH và TNCN Hà Nội, 1977</p> <p>3. Trần Anh Châu, Địa chất đại cương. NXB Giáo dục, 1982.</p>
	125003	Bản đồ học đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, cơ sở toán học của bản đồ địa lý, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hóa bản đồ địa lý; những đặc trưng của bản đồ địa lý trong nhà trường, các phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giáo khoa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt các dạng lưới chiếu hình bản đồ, phương pháp biểu hiện bản đồ, sử dụng bản đồ để xác định, so sánh, phân tích định tính và định lượng một số đặc điểm địa lí trên bản đồ (địa hình, sông ngòi, khí hậu, phân bố sản xuất các ngành, trung tâm kinh tế...)</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Lâm Quang Đốc. Bản đồ học. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2004</p> <p>2. Lê Huỳnh: Bản đồ học. NXB Giáo dục, 1999</p> <p>3. Ngô Đạt Tam, Lê Ngọc Nam: Bản đồ học. NXB Giáo dục, 1987</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Ngô Đạt Tam (Chủ biên), Lê Ngọc Nam, Nguyễn Trần Cầu, Phạm Ngọc Đĩnh. Bản đồ học. NXB Giáo dục, 1986</p> <p>2. Bộ Giáo dục và Đào tạo,</p>

				Atlas địa lý Việt Nam. NXB Giáo dục, 2012
125089	Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Vũ trụ, Trái Đất, thạch quyển) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Cấu tạo, hình dạng, kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lý; những kiến thức cơ bản về thạch quyển; địa hình bề mặt Trái Đất (địa hình lục địa, địa hình dưới đáy biển và đại dương).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xác định được vị trí, hình dạng, kích thước, chuyển động của Trái Đất, cấu tạo của Trái Đất; nhận biết đặc điểm các dạng địa hình cơ bản; xác lập mối quan hệ giữa vị trí, hình dạng, kích thước, chuyển động ... của Trái Đất với sự hình thành và phát triển sự sống trên Trái Đất.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Bá Thảo (chủ biên). Cơ sở Địa lý tự nhiên, tập 1 và 2. NXB Giáo dục, 1987 2. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên), Địa lý tự nhiên đại cương 1. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2004 3. Đào Đình Bắc, Địa mạo đại cương. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2000 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Vi Dân (chủ biên), Địa lý tự nhiên đại cương, tập 1. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 1997 2. Đỗ Hưng Thành, Địa hình bề mặt Trái Đất. NXB Giáo dục, 2000 	
125196	Địa lý tự nhiên đại cương 2 (khí quyển, thủy quyển) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm khí quyển, bức xạ mặt trời và chế độ nhiệt, nước trong khí quyển, khí áp và hoàn lưu khí quyển, thời tiết và khí hậu; khái niệm thủy quyển, các dạng nước thiên nhiên, tuần hoàn nước, nước trên lục địa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên đọc và phân tích được sơ đồ cấu trúc của khí quyển, thủy quyển, nhận thức vai trò của chúng tới sự sống trên Trái Đất; xác lập mối quan hệ giữa vị trí, hình dạng, kích thước, của Trái Đất với sự hình thành và phát triển lớp vỏ khí, thủy quyển; phân tích mối quan hệ giữa địa hình với khí hậu, khí quyển với thủy quyển, với sự sống trên Trái Đất</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Bá Thảo: Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 2. NXB Giáo dục, 1987 2. Hoàng Ngọc Oanh: Địa lý tự nhiên đại cương (tập 2). NXB ĐHSP Hà Nội, 2004 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc, Khí hậu Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1975 2. Nguyễn Văn Tuấn (chủ biên), Thủy văn đại cương. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1991 	
125048	Địa TN đại cương 3 (thổ nhưỡng, sinh quyển, quy luật địa lí) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phân bố thổ nhưỡng trên thế giới; sinh quyển và sự phân bố các đới sinh vật trên Trái Đất; loài người trên Trái Đất; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lý chung của Trái Đất; một số vấn đề về sử dụng hợp lý tự nhiên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sử dụng được bản đồ thổ nhưỡng, sinh quyển xác định các dạng thổ nhưỡng, sinh vật cơ bản trên Trái Đất; xác định các lớp vỏ cảnh quan cơ bản trên Trái Đất trên bản đồ; vận dụng các quy luật địa lí trong việc giải thích sự phân bố</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Bá Thảo: Cơ sở Địa lý tự nhiên, tập 3. NXB Giáo dục, 1987 2. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên): Địa lý tự nhiên đại cương (tập 3). NXB ĐHSP Hà Nội, 2004 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàng Trí, Sinh quyển và các khu dự trữ sinh quyển. NXB ĐHSP Hà Nội, 2006 2. Trần Kông Tú (chủ biên), 	

			địa đới, phi địa đới sự phân bố của thổ nhưỡng, sinh vật, cảnh quan.	Thổ nhưỡng học. NXB ĐH và THCN Hà Nội, 1986
125267	Địa lý KT-XH đại cương 1 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội; môi trường, tài nguyên và sự phát triển bền vững; những đặc điểm nổi bật của địa lý dân cư và quần cư; một số khía cạnh của địa lý xã hội;</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên sử dụng được bản đồ địa lý chung, bản đồ chuyên đề để xác định, phân tích, đánh giá đặc điểm nổi bật của địa lý dân cư, tài nguyên và môi trường... Đọc và phân tích các dạng số liệu, biểu đồ cơ bản về địa lý dân cư, tài nguyên và môi trường...</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lê Thông (Chủ biên): Địa lý kinh tế-xã hội đại cương (Phần: Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1). NXB ĐHSP Hà Nội, 2007 Lê Văn Trường. Địa lý kinh tế-xã hội đại cương. NXB Chính trị Quốc gia, 2005 <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, Cơ sở Địa lý KTXH. NXB ĐHSP Hà Nội, 1990 Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ: Dân số học và Địa lý dân cư. NXB ĐHSP Hà Nội, 1995 	
125269	Địa lý KT-XH đại cương 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Các quy luật phát triển kinh tế, địa lý các ngành các vùng kinh tế và đặc điểm địa lý các ngành, các vùng kinh tế ở các nhóm nước khác nhau</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên sử dụng được bản đồ địa lý chung, bản đồ chuyên đề để xác định, phân tích, đánh giá đặc điểm nổi bật của địa lý các ngành, vùng kinh tế ... Đọc và phân tích các dạng số liệu, biểu đồ cơ bản về địa lý các ngành, các vùng kinh tế.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lê Thông (Chủ biên): Địa lý kinh tế-xã hội đại cương (Phần: Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1). NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2007 Lê Văn Trường. Địa lý kinh tế-xã hội đại cương. NXB Chính trị Quốc gia, 2005 <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bùi Văn Loan: Cơ sở Địa lý kinh tế. NXB Giáo dục, 1983 Xauskin: Những vấn đề Địa lý hiện nay trên thế giới. NXB Giáo dục, 1981 	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
125031	Hệ thống thông tin địa lý. (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái niệm, cấu tạo, chức năng, cấu trúc, dữ liệu và cơ sở dữ liệu, chu trình công nghệ hệ thống tin địa lý, kỹ năng sử dụng một vài phần mềm ứng dụng của hệ thống tin địa lý để thành lập và sử dụng bản đồ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có kỹ năng sử dụng một số phần mềm của hệ thống tin địa lý (Mapinfo, Arcview) để xây dựng cơ sở dữ</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đặng Văn Đức, Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng. NXB Giáo dục, 2005 Nguyễn Ngọc Thạch (Chủ biên). Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý ứng dụng. NXB ĐH Khoa học tự nhiên, 2002 <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đặng Văn Đức. Hệ thống 	

			<p>liệu, thành thạo các bước, kỹ năng thành lập bản đồ (bản đồ giáo khoa), sử dụng bản đồ được xây dựng cho mục đích nghiên cứu khoa học và dạy học</p>	<p>thông tin địa lý ứng dụng. NXB Giáo dục, 2005</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Thạch (Chủ biên). Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý ứng dụng. NXB ĐH Khoa học tự nhiên, 2002</p>
125045	Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Khái niệm, cấu tạo, chức năng, cấu trúc, dữ liệu và cơ sở dữ liệu để thành lập bản đồ giáo khoa; sử dụng một số công cụ GIS để thành lập bản đồ giáo khoa, bản đồ địa lý địa phương, bản đồ chuyên đề phục vụ dạy học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên xây dựng được cơ sở dữ liệu, có kỹ năng sử dụng phần mềm Mapinfo, Arcview để thành lập bản đồ giáo khoa phục vụ dạy học; có kỹ năng sử dụng phần mềm Mapinfo, ArcView để thành lập bản đồ địa lý địa phương, bản đồ chuyên đề phục vụ dạy học; sử dụng Mapinfo, ArcView... để phân tích bản đồ phục vụ dạy học và nghiên cứu địa lý.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1. Lâm Quang Đốc, Bản đồ giáo khoa. NXB ĐH SP Hà Nội, 2005</p> <p>2. Đặng Văn Đức, Hệ thống tin địa lý ứng dụng. NXB Giáo dục, 2005</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Nguyễn Đức Bình, Hoàng Hữu Cải: Xây dựng bản đồ số hóa với Mainfo 6.0. NXB ĐH Nông Lâm, TP HCM, 2003</p> <p>2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Atlas địa lý Việt Nam. NXB Giáo dục, 2012</p>	
Chọn 1 trong 2 học phần				
128112	Giáo dục biến đổi khí hậu (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những biểu hiện của biến đổi khí hậu, diễn biến của biến đổi khí hậu hiện nay; đánh giá biến đổi khí hậu và thiên tai diễn ra ở nước ta những năm gần đây; nguyên nhân và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân tích được các số liệu khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) của một số địa điểm trong khoảng 20 đến 50 năm theo từng thập kỉ; thông hiểu được các đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam; sử dụng các kiến thức về biến đổi khí hậu ở VN vào hoạt động thực tiễn, dạy học; những biểu hiện về biến đổi khí hậu xảy ra ở địa phương và giải pháp thích ứng.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1. TS. Nguyễn Văn Thắng và nhiều tác giả, Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam. NXB Khoa học Kỹ thuật, 2011</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo Quốc gia môi trường Việt Nam năm 2010. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2010</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Nguyễn Thọ Nhân, Biến đổi khí hậu và năng lượng. NXB Tri thức, 2008</p> <p>2. Viện khoa học Khí tượng Thủy văn, Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu và các giải pháp thích ứng. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009</p>	
125073	Giáo dục tài nguyên và môi trường biển, hải đảo Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Môi trường và tài nguyên biển, hải đảo nước ta; giáo dục môi trường, tài nguyên biển và hải đảo Việt Nam ở trường phổ thông.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên xác định được</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i>:</p> <p>1. Ban Tuyên giáo Trung ương, 100 câu hỏi - đáp về biển, đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam. NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2013</p>	

			trên bản đồ, hình vẽ phạm vi 5 bộ phận của vùng biển nước ta, phân biệt chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán ở các bộ phận của vùng biển; sử dụng bản đồ phân tích, đánh giá tài nguyên, môi trường biển, hải đảo nước ta và một số hoạt động kinh tế biển	2.PGS,TS. Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên), Giáo dục Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo Việt Nam. NXB Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014 <i>Tài liệu tham khảo:</i> 1. Nguyễn Văn Âu, Địa lý tự nhiên biển Đông. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2002. 2. Vũ Tự Lập, Địa lý tự nhiên Việt Nam. NXB Giáo dục, 2002
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
	125002	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i>Môn học trang bị cho sinh viên hiểu và đánh giá được khái niệm toàn cầu hóa, lịch sử toàn cầu hóa, những yếu tố quy định toàn cầu hóa giai đoạn hiện nay, những biểu hiện và tác động của toàn cầu hóa đối với thế giới, khu vực và các quốc gia, trong đó có Việt Nam; Những yếu tố tác động đến xu hướng hội nhập quốc tế của Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam; những thành tựu đạt được, cơ hội, khó khăn và thách thức mới. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu những vấn đề địa lí địa phương.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i>Sinh viên nhận biết, giải thích và mô tả được các kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và biểu hiện của toàn cầu hóa, khu vực hóa trên thế giới, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân số và nguồn nhân lực Việt Nam; văn hóa các dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đánh giá được lợi thế và hạn chế của Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa. Có khả năng vận dụng các kiến thức về quá trình hội nhập phát triển kinh tế của Việt Nam vào nghiên cứu những vấn đề địa lí của địa phương.</p>	
	125000	Toàn cảnh địa lí KT-XH thế giới và KV (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i>Đặc điểm và sự thay đổi của bản đồ chính trị thế giới, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, sự phân chia nhóm nước trên thế giới. Một số tổ chức liên kết khu vực tiêu biểu trên thế giới và liên hệ với Việt Nam..</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Nắm được sự thay đổi</p>	

			<p>của bản đồ chính trị thế giới qua các giai đoạn, sự phân chia các nhóm nước, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, xu hướng toàn cầu hóa và một số vấn đề toàn cầu. Đánh giá được lợi thế và hạn chế của các xu hướng chính của nền kinh tế thế giới đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam. Có khả năng vận dụng các kiến thức địa lí kinh tế đại cương để giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội, quy luật phân bố sản xuất và phân hóa lãnh thổ xảy ra trên thế giới.</p>	
II.2	Kiến thức ngành			
	125067	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Vị trí địa lý, lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam, sự hình thành một số khoáng sản chính; đặc điểm địa hình, các kiểu địa hình chủ yếu; khí hậu Việt Nam và sự phân hóa đa dạng của khí hậu; đặc điểm chung của sông ngòi và các hệ thống sông chính của Việt Nam; đặc điểm chung của thổ nhưỡng và các loại đất chính; đặc điểm chung của giới sinh vật và các kiểu thảm thực vật chính ở nước ta; đặc điểm hải văn Biển Đông; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng đọc bản đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan tự nhiên Việt Nam; kỹ năng đọc lát cắt địa lí tự nhiên Việt Nam; kỹ năng phân tích tranh, ảnh biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, chế độ nước sông Việt Nam; giải thích các đặc điểm cơ bản về khái quát địa lí tự nhiên Việt Nam và vận dụng trong dạy học ở trường phổ thông</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Tự Lập. Địa lý tự nhiên Việt Nam. NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội, 2005 2. Đặng Duy Lợi (Chủ biên). Địa lý tự nhiên Việt Nam. NXB ĐHSP Hà Nội, 2007 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Tự Lập, Nguyễn Kim Chương, Nguyễn Thục Nhu. Địa lí tự nhiên Việt Nam, tập 1. NXB Giáo dục, 1997 2. Lê Bá Thảo, Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí. NXB Thế giới, 1998
	125047	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các khu vực địa lí tự nhiên lãnh thổ Việt Nam (các nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lí tự nhiên; các quy luật phân hóa địa lí tự nhiên Việt Nam; hệ thống phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam); các miền tự nhiên: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ; Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ; Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng đọc bản đồ, lát cắt các miền địa lí tự nhiên Việt Nam, phân tích tranh, ảnh về các miền</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Tự Lập. Địa lý tự nhiên Việt Nam. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2005 2. Đặng Duy Lợi (Chủ biên). Địa lý tự nhiên Việt Nam. NXB ĐHSP Hà Nội, 2007 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Tự Lập, Nguyễn Kim Chương, Nguyễn Thục Nhu. Địa lí tự nhiên Việt Nam, tập 1. NXB Giáo dục, 1997 2. Lê Bá Thảo. Thiên nhiên

			địa lí tự nhiên Việt Nam, phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa, chế độ nước sông một số địa điểm đặc trưng cho các miền địa lí tự nhiên Việt Nam, giải thích các đặc điểm cơ bản về mỗi miền địa lí tự nhiên Việt Nam và vận dụng trong dạy học ở trường phổ thông	Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1990.
125069	Địa lí KTXH Việt Nam 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, vị trí địa lý, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế-xã hội về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, dân cư, lao động, môi trường phát triển kinh tế-XH. Đọc và phân tích bản đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tài nguyên, môi trường và dân cư Việt Nam.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Thông (Chủ biên), Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB ĐH SP Hà Nội, 2005 2. Nguyễn Việt Thịnh – Đỗ Thị Minh Đức, Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Giáo dục, 2001 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2013, 2014. NXB Thống kê, 2014 2. Lê Bá Thảo. Thiên nhiên Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1990 	
128005	Địa lí KTXH Việt Nam 2 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Cơ cấu kinh tế; đặc điểm phát triển và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế Việt Nam, nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và các ngành dịch vụ (giao thông vận tải và thông tin liên lạc, thương mại, du lịch) phục vụ cho dạy học địa lí kinh tế xã hội Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được các đặc điểm nổi bật địa lí các ngành kinh tế và rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, biểu đồ kinh tế các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Thông (Chủ biên), Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB ĐHSP Hà Nội, 2005 2. Nguyễn Việt Thịnh – Đỗ Thị Minh Đức, Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Giáo dục, 2001 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2013, 2014. NXB Thống kê, 2014 2. Văn Thái, Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Thống kê, 1999 	
125084	Địa lí KTXH Việt Nam 3 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự phân hóa nền kinh tế - xã hội theo các vùng ở Việt Nam; đặc điểm địa lý kinh tế - xã hội các vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ; đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; duyên hải Nam Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận biết và giải thích được đặc điểm kinh tế nổi bật của từng vùng; đọc bản đồ, vẽ và phân tích biểu đồ rèn luyện các kỹ năng địa lí, kỹ năng khai</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Thông (Chủ biên), Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB ĐHSP Hà Nội, 2005 2. Nguyễn Việt Thịnh – Đỗ Thị Minh Đức, Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Giáo dục, 2001 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Bá Thảo, Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí. NXB Thế giới, 1998 	

			thác kiến thức địa lí các vùng từ các kiến thức cụ thể.	2. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2014. NXB Thống kê, 2014
125101	Địa lí tự nhiên các lục địa 1 (Á, Âu, Phi) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Vị trí địa lí tự nhiên, đặc điểm tự nhiên của lục địa Phi, lục địa Á - Âu; các khu vực của mỗi châu lục.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, giải thích được các đặc điểm nổi bật về địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, thổ nhưỡng, cảnh quan của các lục địa này; rèn luyện các kỹ năng bản đồ, đọc tranh, ảnh, phân tích biểu đồ: địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của từng lục địa, tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên nổi bật các lục địa; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa...) một số địa điểm ở các lục địa</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Phi Hạnh. Địa lí tự nhiên các lục địa (in lần thứ hai có bổ sung, chỉnh lí). NXB ĐH Sư phạm, 1989 Nguyễn Phi Hạnh (Chủ biên), Giáo trình Địa lí các châu lục T1, 2. NXB Giáo dục, 2009 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo, Atlas địa lí thế giới. NXB Giáo dục, 2012 Nguyễn Phi Hạnh, Nguyễn Đình Giang, Giáo trình địa lí tự nhiên các châu lục. NXB Đại học Huế, 1995 	
125102	Địa lí tự nhiên các lục địa 2 (các lục địa khác) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Vị trí địa lí tự nhiên, đặc điểm tự nhiên của các lục địa Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Úc, Nam cực; khái quát đặc điểm nổi bật các khu vực Địa lí tự nhiên của các lục địa này.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích và giải thích được các đặc điểm nổi bật về địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật, thổ nhưỡng, cảnh quan của các lục địa này; rèn luyện các kỹ năng bản đồ, đọc tranh, ảnh, phân tích biểu đồ cho người học: bản đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của từng lục địa, tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên nổi bật các lục địa; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa...) một số địa điểm ở các lục địa</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Phi Hạnh. Địa lí tự nhiên các lục địa (in lần thứ hai có bổ sung, chỉnh lí). NXB ĐH Sư phạm, 1989 Nguyễn Phi Hạnh (Chủ biên), Giáo trình Địa lí các châu lục T1, 2. NXB Giáo dục, 2009 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo, Atlas địa lí thế giới. NXB Giáo dục, 2012 Nguyễn Phi Hạnh, Nguyễn Đình Giang, Giáo trình địa lí tự nhiên các châu lục. NXB Đại học Huế, 1995 	
125086	Địa lí KTXH thế giới 1 (các nước châu Á) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát địa lí kinh tế-xã hội châu Á, một số khu vực châu Á: Tây Nam Á, Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á, Trung Á; địa lí kinh tế-xã hội Nhật bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia khu vực Đông Nam Á.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Á; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật,</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bùi Thị Hải Yến, Địa lý kinh tế - xã hội thế giới châu Mỹ, châu Phi và châu Đại dương. NXB Giáo dục, 2011 Ông Thị Đan Thanh, Trần Bích Thuận, Địa lý kinh tế thế giới, tập 1. NXB Giáo dục, 2002 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Mai Lý Quang, 188 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Hà Nội, 1999 Bùi Thị Hải Yến, Địa lý 	

			thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế, XH	kinh tế - xã hội thế giới. NXB Giáo dục, 2007
125063	Địa lí KTXH thế giới 2 (các nước Châu Âu) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về Liên minh Châu Âu; địa lí kinh tế-xã hội một số nước tiêu biểu trong Liên minh; địa lí kinh tế-xã hội Liên bang Nga; khái quát châu Đại dương, địa lí kinh tế-xã hội Ôxtrâyliya, Niuzilân...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các khu vực, các nước tiêu biểu ở châu Âu, châu Đại dương; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế, xã hội</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bùi Thị Hải Yến, Địa lý kinh tế - xã hội thế giới châu Mỹ, châu Phi và châu Đại dương. NXB Giáo dục, 2011 Ông Thị Đan Thanh, Trần Bích Thuận, Địa lý kinh tế thế giới, tập 2. NXB Giáo dục, 2002 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bùi Thị Hải Yến, Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. NXB Giáo dục, 2007 Mai Lý Quang, 188 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Hà Nội, 1999 	
125059	Địa lí KTXH thế giới 3 (các nước châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương) (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát địa lí kinh tế-xã hội các khu vực Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ và một số nước tiêu biểu như Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô, Braxin, Cu Ba. Khái quát địa lí kinh tế-xã hội châu Phi, châu lục nghèo nhất thế giới, các khu vực châu Phi và giới thiệu một số nước tiêu biểu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được những đặc điểm nổi bật về tài nguyên, con người, những thuận lợi, khó khăn của các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi; thực hành kỹ năng bản đồ, vẽ, phân tích biểu đồ địa lí tự nhiên, khí hậu, sinh vật, thổ nhưỡng và cảnh quan của châu lục; vẽ và phân tích biểu đồ địa lí dân cư, kinh tế, XH các nước, khu vực; thực hành kỹ năng đọc, phân tích tranh, ảnh về sinh vật, thiên nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật các khu vực, các nước; viết một vài báo cáo về địa lí kinh tế,</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bùi Thị Hải Yến, Địa lý kinh tế - xã hội thế giới. NXB Giáo dục, 2007 Ông Thị Đan Thanh, Trần Bích Thuận, Địa lý kinh tế thế giới, tập 3. NXB Giáo dục, 2002 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo, Át lát địa lí thế giới. NXB Giáo dục, 2012 https://vi.wikipedia.org: các nước châu Á 	

			xã hội	
125401	Lý luận dạy học địa lý (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, vị trí môn học; việc vận dụng các quan điểm và xu thế mới vào dạy học địa lý; quá trình dạy học trong nhà trường phổ thông và phương pháp dạy học địa lý; các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; hình thức tổ chức dạy học địa lý; lập kế hoạch, chỉ đạo HS học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sử dụng được phương pháp, phương tiện dạy học địa lý phát triển năng lực người học; tổ chức được các hình thức tổ chức dạy học hợp lý và có phương pháp đánh giá khách quan kết quả học tập của học sinh.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Dược-Nguyễn Trọng Phúc, Lý luận dạy học địa lý (Phần đại cương). NXB ĐHSP Hà Nội, 2004 2. Đặng Văn Đức: Lý luận dạy học địa lý (Phần đại cương). NXB ĐHSP Hà Nội, 2005 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngô Văn Nhuận, Phương pháp dạy học địa lý. NXB ĐHSP Hà Nội, 2007 2. Mai Xuân San, Rèn luyện kỹ năng trong dạy học địa lý. NXB Giáo dục, 1998 	
125078	Phương pháp GD địa lý ở trường THCS (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học địa lý ở trường THCS; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lý THCS.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức dạy học: lớp, nhóm, VNEN, cá nhân; kỹ thuật tốt trong thực hiện tiến trình bày dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kỹ năng, thái độ.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Quốc Tuấn: Phương pháp dạy học địa lý ở THCS. Trường ĐH Hồng Đức, 2011 2. Đặng Văn Đức. Lý luận dạy học địa lý (phần cụ thể). NXB Giáo dục, 2007 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Dược (Tổng chủ biên kiêm chủ biên) - Phạm Thị Thu Phương - Nguyễn Quận : Địa lý 6,7, Sách giáo viên. NXB Giáo dục, 2002 2. Nguyễn Dược (Tổng chủ biên) - Nguyễn Phi Hạnh (chủ biên)- Đặng Văn Đức - Đặng Văn Hương - Nguyễn Minh Phương: Địa lý 8, 9, Sách giáo viên. NXB Giáo dục, 2003 	
125046	Phương pháp GD địa lý ở trường THPT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học địa lý ở trường THPT; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lý THPT.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch dạy học, kế hoạch học tập thường xuyên; thiết kế bài dạy bằng các PPDH tích cực, phương tiện dạy</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Quốc Tuấn: Phương pháp dạy học địa lý THPT, Tài liệu tham khảo trường Đại học Hồng Đức. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa mới THPT lớp 10,11,12. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2008 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p>	

			học phù hợp và tổ chức dạy học với nhiều hình thức dạy học: lớp, nhóm, VNEN, cá nhân; có kỹ thuật trong thực hiện tiến trình bày dạy, kiểm tra, đánh giá nhận thức của HS về kiến thức, kỹ năng, thái độ.	1. Lê Thông (Chủ biên): Địa lí 10, Sách giáo viên. NXB Giáo dục, 2006 2. Lê Thông (Tổng chủ biên): Địa lí 11, 12, Sách giáo viên. NXB Giáo dục, 2003
125198	Thực tế CM1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Thực địa về địa chất và bản đồ tại một số địa điểm đã được khảo sát thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hạ Long, một vài mỏ than...), TP Lạng Sơn và phụ cận.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên mô tả được những đặc điểm địa chất-địa hình khu vực Yên Tử- TP.Hạ Long-TP, Lạng Sơn; sử dụng trong dạy học giải thích sự hình thành địa hình đá vôi khu vực đông Bắc, một số dạng địa hình, khoáng sản, tài nguyên được hình thành ở khu vực này, tài nguyên di sản thiên nhiên thế giới-Vịnh Hạ Long.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Phùng Ngọc Đĩnh, Thực hành địa chất. NXB ĐHQG Hà Nội, 1996 2.A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch), Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ. NXB ĐHQG Hà Nội, 2004</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Phan Cự Tiễn, Nguyễn Xuân Hãn, Vũ Khúc, Đặng Đức Nga, Nguyễn Văn Phúc, Địa tầng học và phương pháp nghiên cứu. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2004 2. Trần Văn Trị (Chủ biên), Địa chất Việt Nam (Phần miền Bắc). NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1997</p>	
125049	Thực tế CM2 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Thực địa theo tuyến “Con đường di sản miền Trung”, khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm, một số khu vực kinh tế nông - lâm, công nghiệp, GTVT, du lịch được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức địa lí từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học địa lí kinh tế - xã hội .</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Nguyễn Việt Thịnh (Chủ biên), Khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế - xã hội. NXB ĐHQG Hà Nội, 2007 2.Lê Thông (Chủ biên), Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB ĐHQG Hà Nội, 2005</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Nguyễn Việt Thịnh (Chủ biên), Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Giáo dục, 2001 2. Lê Bá Thảo, Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lí. NXB Thế giới, 1998</p>	
Chọn 1 trong 2 học phần				
125080	Thiết kế bài giảng địa lí bằng các thiết bị dạy học hiện đại (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm bài giảng điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin cho dạy học tích cực, kỹ thuật sử dụng phần mềm công cụ máy tính và các thiết bị kỹ thuật trong thiết kế, trình bày bài dạy địa lí THCS và THPT; hiểu cấu trúc bài giảng điện tử và những ưu, nhược điểm của loại</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Đặng Văn Đức: Lý luận dạy học địa lý (Phần đại cương). NXB ĐHQG Hà Nội, 2005 2. VVOB Việt Nam, Công nghệ thông tin cho dạy học</p>	

			<p>bài dạy này trong dạy học địa lí.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có các kĩ thuật sử dụng power point để thiết kế và trình bày một bài giảng địa lí; xử lí số liệu bằng những công thức thông dụng trên excel; vẽ các biểu đồ địa lí dạng miền, cột đường, đường, có số năm không đều, tháp tuổi....sử dụng một số phần mềm công cụ để sửa ảnh, viết chữ vào hình ảnh; cắt ghép chuyển định dạng video phục vụ dạy học; xây dựng và sử dụng phần mềm thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho dạy học địa lí</p>	<p>tích cực. NXB Giáo dục, 2010</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ môn Địa lí Khoa KHXH: Bài giảng thiết kế bài giảng địa lí bằng các thiết bị dạy học hiện đại. Tài liệu tham khảo trường ĐH Hồng Đức, 2009 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phương tiện kĩ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (tập 1,2). NXB Giáo dục, 2006
125081	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí phổ thông. (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> kĩ thuật xây dựng, sử dụng các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan phù hợp trong dạy học địa lí: câu đúng sai, điền khuyết, câu nhiều lựa chọn, ghép đôi, bài tập ô chữ...; kĩ thuật sử dụng một số phần mềm công cụ để thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên xây dựng, sử dụng được các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho dạy học địa lí ở trường phổ thông: địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế; sử dụng phần mềm công cụ, bản đồ và các kênh hình để thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan và vận dụng trong dạy học địa lí phổ thông</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp soạn thảo câu hỏi trắc nghiệm. http://violet.vn 2. Nguyễn quốc Tuấn, Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Địa lí 8,9. NXB ĐHSPT Hà Nội, 2004 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Địa lí 12. http://www.Vnschool.net 2. Nguyễn Trọng Phúc (chủ biên), Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Địa lí 10 (tập 1, tập 2). NXB ĐH Sư phạm, 2007 	
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
125074	Nghiên cứu và GD địa lí địa phương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu địa lý địa phương, phương pháp dạy học địa lý địa phương; địa lí Thanh Hoá (vị trí, điều kiện tự nhiên, tài nguyên, dân cư lao động, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế tỉnh Thanh Hóa</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên điều tra, thu thập được nguồn tài liệu về địa lí cấp tỉnh, huyện, xã ; lựa chọn các kiến thức địa lí địa phương phù hợp với chương trình lớp học, cấp học, tích hợp kiến thức địa lí địa phương trong dạy học địa lí THCS và THPT.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Huỳnh. Nghiên cứu địa lý địa phương. NXB ĐHSPT Hà Nội, 1992 2. Địa chí Thanh Hóa tập 1, 2,3. NXB Văn hóa thông tin Hà Nội, 2000 - 2008 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Viết Thịnh (Chủ biên, Khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế - xã hội. NXB ĐHSPT Hà Nội, 2007 2. Lâm Quang Đốc, Địa lí địa phương trong trường phổ thông. NXB ĐHSPT Hà Nội, 2009 	
128011	Địa lí du lịch Việt Nam	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về du lịch, các tài nguyên du lịch Việt Nam và sức thu</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên): Địa lí du lịch Việt 	

		(2 tín chỉ)	<p>hút du khách; hệ thống cơ sở vật chất-kỹ thuật của ngành du lịch; các hình thức du lịch chủ yếu; các vùng, tuyến và điểm du lịch chủ yếu; phương hướng phát triển du lịch đất nước và các vùng du lịch chủ yếu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên phân tích được các tài nguyên du lịch nổi bật các vùng du lịch Việt Nam; đọc và phân tích bản đồ, tranh ảnh địa lí du lịch Việt Nam; vẽ và phân tích biểu đồ du lịch; tổ chức hoạt động du lịch cho học sinh.</p>	<p>Nam. NXB Giáo dục, 2013</p> <p>2. Tổng cục du lịch Việt Nam: Non nước Việt Nam, Hà Nội, 2005</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>1. Dương Văn Sáu, Di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng Việt Nam. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2008</p> <p>2. Lê Thị Vân, Giáo trình văn hoá du lịch. NXB Hà Nội, 2006</p>
III Kiến tập, Thực tập, Khoá luận TN				
	132005	Kiến tập sư phạm (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: SV thực tế tại trường THPT hoặc THCS để làm quen với nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên: dạy học, giáo dục, các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong trường phổ thông...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên tìm hiểu được môi trường xã hội, môi trường giáo dục nhà trường, môi trường gia đình học sinh; soạn giáo án lên lớp theo quy định, sử dụng được các PPDH, PTDH phù hợp; dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cùng tổ bộ môn của trường theo hướng dẫn và tiến hành giảng tập khoảng 1, 2 tiết.</p>	
	125072	Thực tập sư phạm (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: SV thực hành tại trường phổ thông trung học về hoạt động dạy, học của trường, phong trào giáo dục của địa phương bước đầu thực hành dạy học địa lý và làm công tác giáo dục khác ở trường THPT:</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hành công tác GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, tổ chức được một số hoạt động thanh niên trong trường phổ thông làm quen với việc tổ chức các hoạt động xã hội; soạn giáo án lên lớp theo quy định, sử dụng được các PPDH, PTDH phù hợp; dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cùng tổ bộ môn của trường theo hướng dẫn; thực hành giảng tập giảng 8 tiết.</p>	
	Khoá luận TN		<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Chọn một trong các đề tài về địa lí tự nhiên Việt Nam, địa lí kinh tế xã hội Việt Nam và phương pháp dạy học địa lí để làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.</p>	

		<p>Hoàn thiện các kết quả nghiên cứu 1 đề tài.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hoàn thiện được các bước chuẩn bị nghiên cứu: xây dựng đề cương, lập kế hoạch để được phê duyệt; tổ chức tiến hành nghiên cứu đề tài được phê duyệt: có quan điểm, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài, thu thập xử lý nguồn tài liệu... hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp đúng thời gian và đúng quy định; vận dụng kết quả nghiên cứu (về cả phương pháp nghiên cứu và nội dung nghiên cứu) vào dạy học địa lí.</p>	
Học phần thay thế KLTN			
128110	<p>Một số vấn đề về địa lý tự nhiên đại cương và địa lý tự nhiên Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Một số vấn đề mới, cơ bản về hệ Mặt Trời, các hành tinh ngoài hệ Mặt Trời, hoạt động kiến tạo trên Trái Đất, môi trường, biến đổi khí hậu, địa lí ứng dụng; một số vấn đề về địa lí kinh tế-xã hội quốc gia; những vấn đề cơ bản về địa lí Việt Nam: đánh giá biến đổi khí hậu ở VN, đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam, tăng trưởng và phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên cập nhật và vận dụng được những kiến thức, thông tin mới về khoa học địa lí về Địa lí Việt Nam vào dạy học địa lí phổ thông; phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh về một số vấn đề địa lí đại cương và địa lí Việt Nam</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Hoàng Hải (chủ biên): Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam. NXB Giáo dục, 1997 2. Tổng cục thống kê, Thông cáo báo chí tình hình phát triển kinh tế-XH hàng năm. Tổng cục thống kê, 2012 - 2015 3. Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê 2014. NXB Thống kê, 2015 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam, 2009 2. Lê Đức Tổ (chủ biên), Quản lí biển, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2004
125310	<p>Một số vấn đề về địa lý kinh tế xã hội (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trình bày những vấn đề cơ bản bao gồm: đặc điểm cơ bản nhất của địa lý học qua các thời kỳ lịch sử; nội dung, quan điểm cơ bản của các trường phái Địa lý; những nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý, những quy luật địa lý trong việc xây dựng mô hình không gian địa lý hoàn chỉnh của một đối tượng nghiên cứu. Quan điểm về cấu trúc, động lực, triển vọng của Địa lý thống nhất.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được đặc điểm cơ bản nhất của địa lý học</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Tự Lập (2004): Sự phát triển của khoa học địa lý trong thế kỷ XX. NXB giáo dục Việt Nam 2. Lê Bá Thảo: Cơ sở địa lý tự nhiên, tập 1, 2, 3. Giáo trình ĐHSP, NXBGD 1988. <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàng Ngọc Oanh – Nguyễn Văn Âu – Lê Thị Ngọc Khánh: Địa lý tự nhiên đại cương 2, NXB ĐHSP

			qua các thời kỳ lịch sử. Nắm vững những nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý, những quy luật địa lý trong việc xây dựng mô hình không gian địa lý hoàn chỉnh của một đối tượng nghiên cứu. Sinh viên có kỹ năng vẽ, sơ đồ hóa, mô hình hóa không gian địa lý hoàn chỉnh; biết xử lý dữ liệu, xây dựng bản đồ, sử dụng hệ thống thông tin địa lý; biết vận dụng những quy luật, nguyên tắc trong phân vùng địa lý vào biết nhận định, so sánh các vấn đề địa lý tự nhiên, kinh tế xã hội. SV quan tâm tích cực tới việc trau dồi kiến thức, hiểu biết về địa lý học; bồi dưỡng ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường.	2006. 2. Nguyễn Kim Chương – Nguyễn Trọng Hiếu – Lê Thị Ngọc Khánh – Đỗ Thị Nhung: Địa lý tự nhiên đại cương 3, NXB ĐHSP 2006 3. Nguyễn Trọng Hiếu (CB), Nguyễn Ngọc Oanh (CB), Nguyễn Kim Chương (CB): Địa lý tự nhiên đại cương 1,2,3. NXB ĐHSP 2006
128109	Áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong môn Địa lý ở trường phổ thông (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Chuẩn nghề nghiệp giáo viên địa lí, chuẩn kiến thức, kỹ năng địa lí ở trường phổ thông; các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực người học theo định hướng nghề nghiệp trong dạy học địa lí ở trường phổ thông; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học địa lí ở trường phổ thông bằng xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thiết kế được một số bài dạy địa lí bằng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực người học theo định hướng nghề nghiệp; xây dựng một số câu hỏi trắc nghiệm, bài tập địa lí nhằm đánh giá năng lực học sinh; thực hành bài giảng với các thiết kế bài dạy và hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, bài tập địa lí đã soạn.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Đặng Văn Đức: Lý luận dạy học địa lý (Phần đại cương. NXB ĐHSP Hà Nội, 2005 Bộ môn Địa lí trường ĐH Hồng Đức, Những vấn đề cơ bản về PPDH địa lí ở trường phổ thông, 2010 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Đặng Văn Đức. Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng. NXB Giáo dục, 2005 Phương pháp dạy học địa lí theo hướng tích cực. NXB ĐH Sư phạm, 2007 	

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác-Lênin (3TC) - Tiếng Anh 1 (4TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) - Môi trường và con người (2TC) - Kinh tế và phát triển (2TC) - Tin học (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị MLN (2TC) - Tiếng Anh 2 (3TC) - Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa) (2TC) - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2TC) - Xã hội học đại cương (2TC) - Địa chất đại cương (2TC) - Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Vũ trụ, Trái Đất, thạch quyển) (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) - Tiếng Anh 3 (3TC) - Phương pháp NCKH (chuyên ngành Địa lí) (2TC) - Pháp luật đại cương (2TC) - Tâm lí học (4TC) - Địa lý tự nhiên đại cương 2 (khí quyển, thủy quyển) (2TC) - Địa TN đại cương 3 (thổ nhưỡng, sinh quyển, quy luật địa lí) (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử ĐCSVN (2TC) - Giáo dục học (4TC) - Thực tế CM1 (2TC) - Bản đồ học đại cương (2TC) - Tư tưởng HCM (2TC) - Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (2TC) - Địa lí tự nhiên các lục địa 1 (Á, Âu, Phi) (2TC)
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý KT-XH đại cương 1 (3TC) - Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (2TC) - Địa lý KTXH Việt Nam 1 (2TC) - Địa lí tự nhiên các lục địa 2 (các lục địa khác) (2TC) - Địa lí KTXH thế giới 1 (các nước châu Á) (2TC) - Kiến tập sư phạm (2TC) - Lý luận dạy học địa lý (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lý KT-XH đại cương 2 (3TC) - Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa (2TC) - Giáo dục tài nguyên và môi trường biển, hải đảo Việt Nam (2TC) - Địa lý KTXH Việt Nam 2 (2TC) - Địa lí KTXH thế giới 2 (các nước Châu Âu) (2TC) - Phương pháp GD địa lý ở trường THCS (2TC) - Thiết kế bài giảng địa lí bằng các thiết bị dạy học hiện đại (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý HCNN và QLGD (2TC) - Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam (2TC) - Địa lý KTXH Việt Nam 3 (2TC) - Địa lí KTXH thế giới 3 (các nước châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương) (2TC) - Phương pháp GD địa lý ở trường THPT (3TC) - Địa lí du lịch Việt Nam (2TC) - Thực tế CM2 (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tập sư phạm (5TC) - Một số vấn đề về địa lý đại cương và địa lý Việt Nam (3TC) - Áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong môn Địa lý ở trường phổ thông (3TC)

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn						NL tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
Triết học Mác-Lênin	3	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Pháp luật đại cương	3	2	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	3	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	2	0	2
Phương pháp NCKH (chuyên ngành Địa lí)	0	0	0	3	0	3	3	2	2	3	3	0	0	0	0	3	0	0	3	2	3	3	3
Môi trường và con người	0	3	0	2	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	2
Lịch sử văn minh thế giới	0	3	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	0	3	0	2	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Hán Nôm cơ sở	0	3	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Hán nôm đại cương	0	3	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Kinh tế phát triển	0	3	0	2	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	2	2	0	1	2	2	3	1	1
Kinh tế Việt Nam	0	3	0	2	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	2	2	0	1	2	2	3	1	1
Phát triển chương trình nhà trường	0	3	0	0	0	3	0	2	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	2	3	0	1	
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	0	3	0	2	0	0	0	2	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	2	3	0	1	
Thống kê xã hội	0	3	0	2	0	0	0	3	3	3	3	3	0	0	3	0	3	0	2	2	3	0	1
Xã hội học đại cương	0	3	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2	
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Tiếng Anh 3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	3	0	3

Tin học	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	3	0	0	2	2	0	2
Giáo dục thể chất 1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Giáo dục thể chất 2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Tâm lí học	2	3	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	1	2
Giáo dục học	0	3	2	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Quản lý HCNN và QLGD	0	2	3	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2
Địa chất đại cương	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	0	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Bản đồ học đại cương	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý TN đại cương 1 (Vũ trụ, Trái Đất, thạch quyển)	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý TN đại cương 2 (khí quyển, thủy quyển)	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý TN đại cương 3 (thổ nhưỡng, sinh quyển, QLĐL)	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý KT-XH đại cương 1	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý KT-XH đại cương 2	0	1	0	3	0	0	2	3	3	2	3	3	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Hệ thống thông tin địa lí.	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	2	3	0	0	3	3	3	0	2	2	2	2	2
Ứng dụng GIS trong thành lập bản đồ giáo khoa	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	2	3	0	0	3	3	3	0	2	2	2	2	2
Giáo dục biến đổi khí hậu	0	0	1	3	3	2	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	3	3	0	2	1	2	2
Giáo dục TN&MT biển, hải đảo Việt Nam	0	0	1	3	3	2	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	3	3	0	2	1	2	2
Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	0	1	1	3	2	2	3	2	2	2	1	1	0	0	2	3	3	1	3	0	2	3	2
Toàn cảnh địa lí KT-XH thế giới và KV	0	1	1	3	2	2	3	2	2	2	1	1	0	0	2	3	3	1	3	0	2	3	2
Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý KTXH Việt Nam 1	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý KTXH Việt Nam 2	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lý KTXH Việt Nam 3	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lí tự nhiên các lục địa 1 (Á, Âu, Phi)	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lí tự nhiên các lục địa 2 (các lục địa khác)	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lí KTXH thế giới 1 (các nước châu Á)	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lí KTXH thế giới 2 (các nước châu Âu)	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Địa lí KTXH thế giới 3 (các nước châu Mỹ, Phi, Đại dương)	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2

Lý luận dạy học Địa lý	0	0	0	3	3	2	3	0	2	1	2	2	2	0	2	2	2	1	3	1	2	1	2
Phương pháp GD Địa lý ở trường THCS	0	0	1	3	3	2	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	3	3	0	2	1	2	2
Phương pháp GD Địa lý ở trường THPT	0	1	0	2	3	3	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0	3	3	0	1	2	3	2
Thực tế CM1	0	0	0	3	0	0	2	3	3	3	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Thực tế CM2	0	0	0	3	0	0	2	3	3	3	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Thiết kế bài giảng địa lí bằng các TBDH hiện đại	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	2	3	0	3	3	3	3	0	2	2	2	2	2
Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí phổ thông	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	2	3	0	0	2	3	3	0	2	2	2	2	2
Nghiên cứu và GD địa lí địa phương	0	0	0	3	3	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
Địa lí du lịch Việt Nam	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Kiến tập sự phạm	0	0	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	0	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thực tập sự phạm	0	0	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	0	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2
Một số vấn đề về ĐLTN đại cương và ĐLTN Việt Nam	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Một số vấn đề về địa lý kinh tế xã hội	0	0	0	3	0	0	2	3	3	2	3	1	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2	2
Áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong môn Địa lý ở trường phổ thông	0	0	0	2	3	3	2	3	2	2	2	2	0	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 11 năm 2019

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Mai Văn Tùng